

BỘ QUỐC PHÒNG**BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106/2015/TT-BQP

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP
ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về chế độ, chính sách
đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các
chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam,
Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng**

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây được viết tắt là Nghị định số 26/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, tiếp tục công tác cho đến khi hết hạn tuổi phục vụ tại ngũ hoặc tiếp tục công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ hết tuổi phục vụ tại ngũ hoặc nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ công tác trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ hoặc đủ điều kiện tái cử khóa mới nhưng có nguyện vọng không tái cử để nghỉ hưu trước tuổi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp (QNCN), cán bộ làm công tác cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hưởng lương như đối với quân nhân (sau đây gọi chung là cán bộ), là cấp ủy viên từ cấp cơ sở trở lên (trong và ngoài Đảng bộ Quân đội) hoặc hiện đang giữ các chức vụ, chức danh trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội (ở Trung ương, các địa phương) và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ hoặc cấp ủy viên đang giữ các chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, đủ điều kiện tái cử cấp ủy khóa mới nhưng không đủ tuổi tái cử các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, có nguyện vọng không tái cử cấp ủy hoặc cấp ủy viên và ủy viên chuyên trách Ủy ban kiểm tra của Đảng đủ điều kiện tái cử khóa mới nhưng có nguyện vọng không tái cử để nghỉ hưu trước tuổi với điều kiện tuổi tái cử còn từ 6 (sáu) tháng trở xuống.

2. Tuổi tái cử, tái bổ nhiệm

Điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ đối với cán bộ hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật và của các cấp có thẩm quyền.

3. Những người sau đây không thuộc đối tượng áp dụng tại Thông tư này:

a) Cán bộ thuộc diện bổ nhiệm có thời hạn hoặc không có thời hạn đảm nhiệm các chức danh chỉ huy, quản lý cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng nhưng hiện không giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ nêu trên; cán bộ không đủ tiêu chuẩn là cấp ủy viên do phẩm chất, đạo đức, năng lực hoặc vi phạm kỷ luật;

b) Sĩ quan, QNCN đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang QNCN hoặc công chức quốc phòng (sau đây viết tắt là Nghị định số 21/2009/NĐ-CP);

c) Cán bộ làm công tác cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hưởng lương như đối với quân nhân thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nghỉ hưu trước tuổi hoặc cán bộ đủ điều kiện tái cử khóa mới nhưng có nguyện vọng không tái cử để nghỉ hưu trước tuổi với điều kiện tuổi tái cử còn từ 6 (sáu) tháng trở xuống

1. Cán bộ có đủ điều kiện theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên, nếu có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, có quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền, theo phân cấp quản lý hiện hành của Bộ Quốc phòng thì ngoài chế độ hưu trí được hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng thêm các chế độ theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và sau khi có quyết định nghỉ chuẩn bị hưu của cấp có thẩm quyền, trong thời gian nghỉ chuẩn bị hưu được xem xét thăng quân hàm và nâng lương diện chuyển ra theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng.

2. Hạn tuổi để tính hưởng chế độ trợ cấp

a) Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm là:

- Cấp úy: Nam 46, nữ 46;
- Thiếu tá: Nam 48, nữ 48;
- Trung tá: Nam 51, nữ 51;
- Thượng tá: Nam 54, nữ 54;
- Đại tá: Nam 57, nữ 55;
- Cấp tướng: Nam 60, nữ 55.

b) Hạn tuổi của QNCN phục vụ tại ngũ ứng với cấp bậc quân hàm theo quy định sau đây và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung (nếu có):

- Cấp úy: Nam 46, nữ 46;
- Thiếu tá: Nam 48, nữ 48;
- Trung tá, Thượng tá: Nam 50, nữ 50.

c) Hạn tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ làm công tác cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hưởng lương như đối với quân nhân theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội;

d) Tuổi để xác định cán bộ nghỉ hưu trước tuổi so với hạn tuổi cao nhất theo quy định được tính từ tháng sinh đến tháng liền kề trước khi cán bộ nghỉ hưởng lương hưu hằng tháng; đối với cấp ủy viên hoặc ủy viên chuyên trách Ủy ban kiểm tra của Đảng ở các cấp, tuổi để xác định nghỉ hưu trước tuổi so với hạn tuổi cao nhất hướng dẫn tại Điểm a, b, c Khoản này ít nhất là 6 (sáu) tháng.

3. Cấp bậc quân hàm để xác định hạn tuổi cao nhất tương ứng đối với sĩ quan, QNCN theo hướng dẫn tại Điểm a, Điểm b Khoản này là cấp bậc quân hàm đúng